

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/9/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thùy Dương

2. Ông Hồ Việt Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Ly H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số A, ấp I, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Chấn H1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số C, ấp I, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Ly H trình bày:

Chị và anh Huỳnh Chấn H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai anh chị. Quá trình chung sống, chị và anh H1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 hay ăn nhậu, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và không chăm lo cho

cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị và anh **H1** không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, thời gian sống ly thân anh **H1** không thăm nom nuôi dưỡng con chung, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Huỳnh Chấn H1**.

Về con chung: Chị và anh **H1** có 02 người con chung là cháu **Huỳnh Ngọc H2**, sinh ngày 29/5/2002 và **Huỳnh Hénh T**, sinh ngày 13/12/2007 hiện nay do chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T** mà không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu **Huỳnh Ngọc H2**, sinh ngày 29/5/2002 đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh **H1** không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, chị không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Anh **Huỳnh Chấn H1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có lời trình bày.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự từ khi thụ lý cho đến nay đều đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 85, 89, 91 Luật HNGĐ năm 2000 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **Lê Ly H** ly hôn với anh **Huỳnh Chấn H1**.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **H**, giao cháu **Huỳnh Hénh T** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu **Huỳnh Ngọc H2** đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Chị **H** không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Lê Ly H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **Huỳnh Chấn H1** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Ly H** và anh **Huỳnh Chấn H1** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước** nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **H1** hay ăn nhậu, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị **H** và anh **H1** không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh **H1** nhận được giấy được triệu tập làm việc, hòa giải của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do chứng tỏ anh **H1** không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **H1** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị **Lê Ly H** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị **Lê Ly H** và anh **Huỳnh Chấn H1** có 02 người con chung là cháu **Huỳnh Ngọc H2**, sinh ngày 29/5/2002 và **Huỳnh Hénh T**, sinh ngày 13/12/2007 hiện nay do chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị **H** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **T**. Cháu **Huỳnh Hénh T** có nguyện vọng được ở với mẹ, anh **H1** vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề nuôi con. Do đó, giao cháu **Huỳnh Hénh T** cho chị **Lê Ly H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung. Đối với cháu **Huỳnh Ngọc H2**, sinh ngày 29/5/2002 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Ly H** không yêu cầu anh **Huỳnh Chấn H1** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Lê Ly H** trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, anh **Huỳnh Chấn H1** vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị **Lê Ly H** là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Ly H** ly hôn với anh **Huỳnh Chấn H1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Huỳnh Hénh T**, sinh ngày 13/12/2007 cho chị **Lê Ly H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu **Huỳnh Ngọc H2**, sinh ngày 29/5/2002 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Ly H** không yêu cầu anh **Huỳnh Chấn H1** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh **Huỳnh Chấn H1** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Khi cần thiết chị **Lê Ly H** và anh **Huỳnh Chấn H1** được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị **Lê Ly H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai số 0000169 ngày 23/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị **Lê Ly H** đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã Phú Sơn, Huyện Bù Đăng,
Tỉnh Bình Phước (02/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn